

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP In sách giáo khoa Hòa Phát

Ngày
31/12/2024

2,800 VNĐ

Thay đổi

1 tháng

3 tháng

6 tháng

-3.4%

3.7%

-

DT thuần
Q4/24

0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.16 | -100%

YoY: ▼29.8 | -100%

LN thuần
Q4/24

-91.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼49.9 | -120%

YoY: ▼92.7 | -7726%

LN sau thuế
Q4/24

-112

tỷ VNĐ

QoQ: ▼61.8 | -124%

YoY: ▼114 | -6741%

Tỷ suất lãi EBIT
2024

-7603%

YoY: +/- ▼ 7693%

ROE
2024

-5.2%

YoY: +/- ▼ 5.3%

Sàn giao dịch UPCOM

Khoảng giá 52 tuần

Vốn hóa (tỷ VNĐ) 257

Số lượng CPLH (CP) 91,804,980

KLGD BQ 20 phiên (CP) 95,315

Sở hữu nước ngoài 0.0%

Beta 2.61

EPS -1,224

P/E -2.3

DT thuần
2024

1.51

tỷ VNĐ

YoY: ▼99.5 | -98.5%

LN thuần
2024

-192

tỷ VNĐ

YoY: ▼199 | -2979%

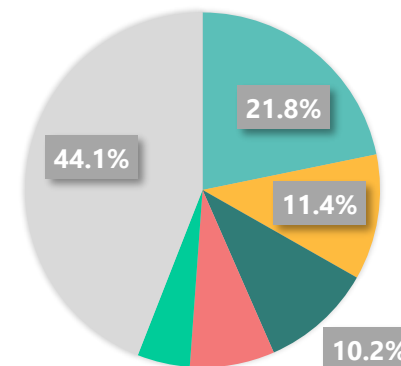
LN sau thuế
2024

-235

tỷ VNĐ

YoY: ▼240 | -4662%

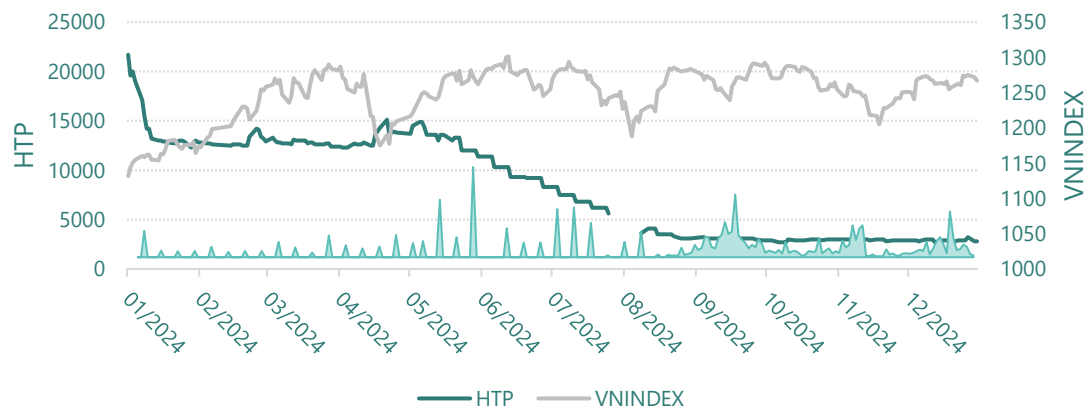
Cơ cấu cổ đông



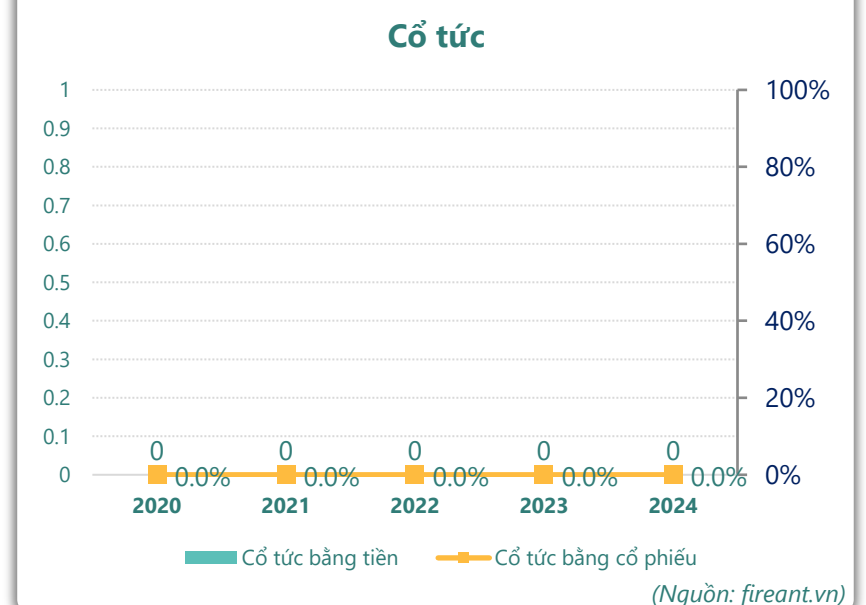
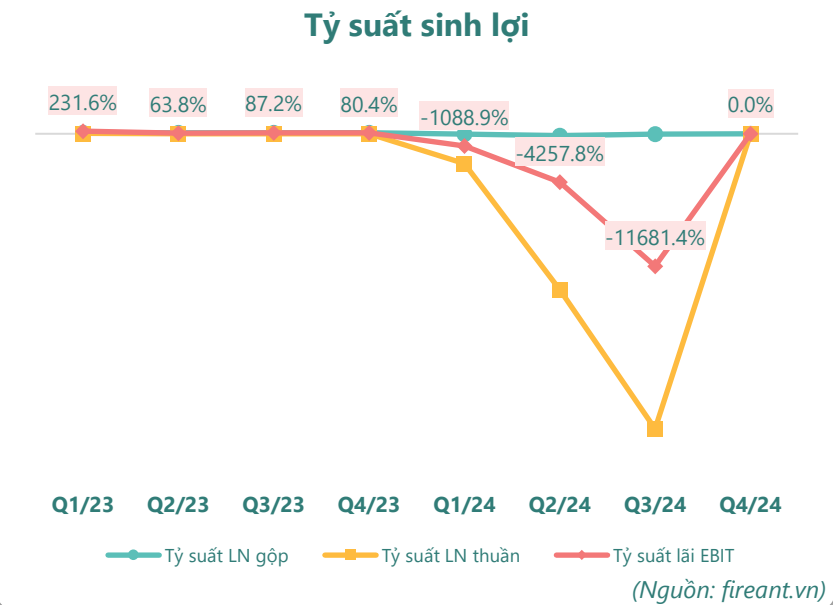
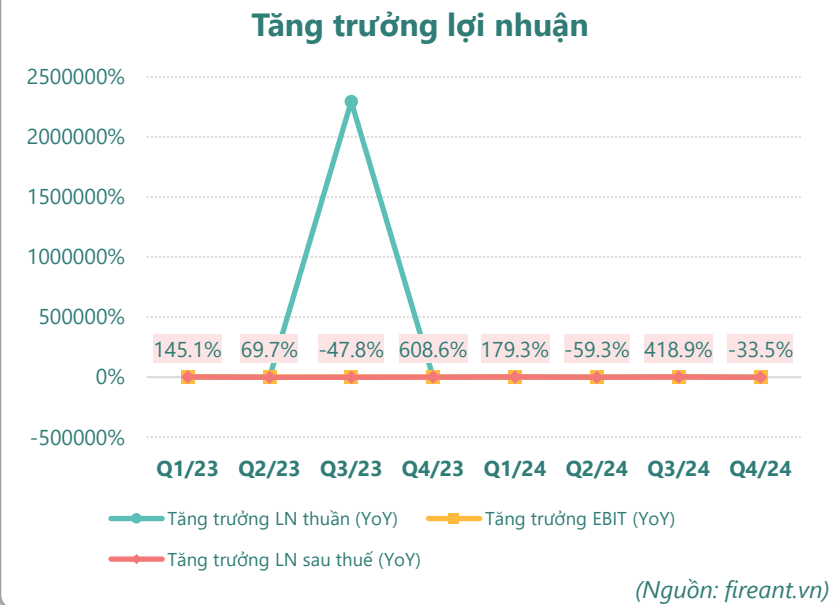
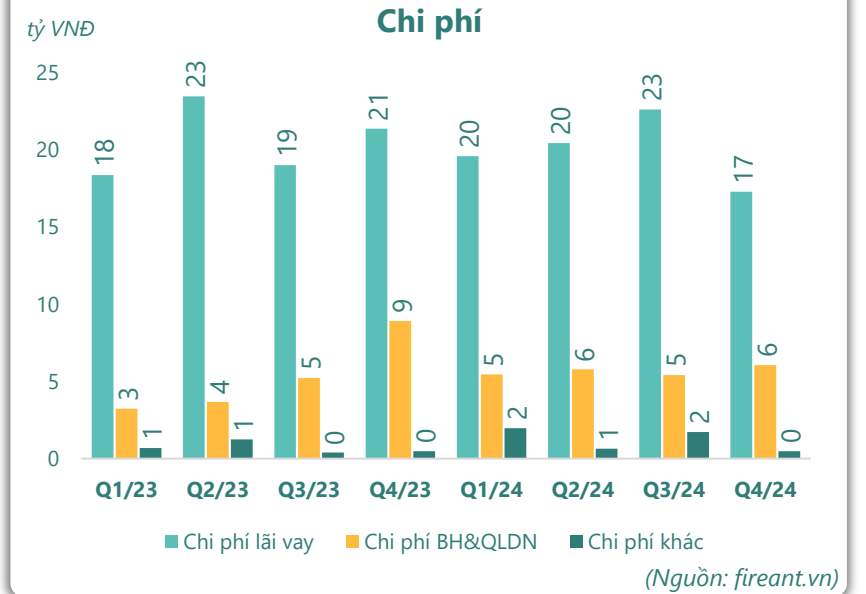
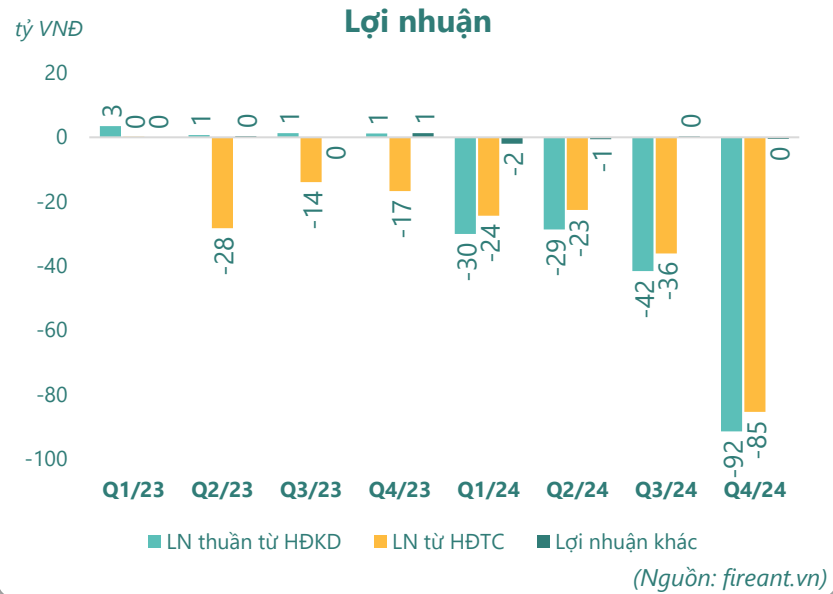
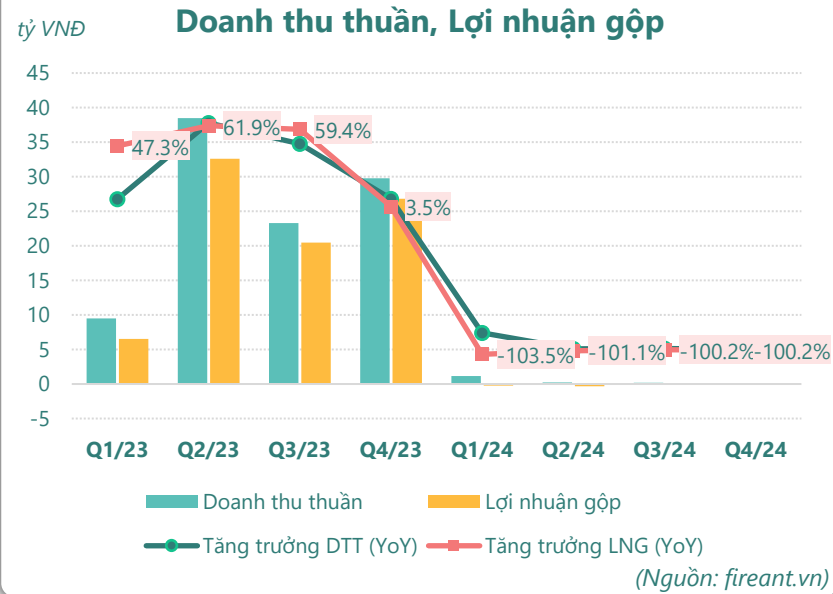
■ Nguyễn Thị Kim Hiếu
■ Võ Mỹ Tiên
■ Mai Lê Hồng Sương
■ CTCP Chứng Khoán Thành Công
■ Trịnh Ngọc Khánh
■ Khác

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



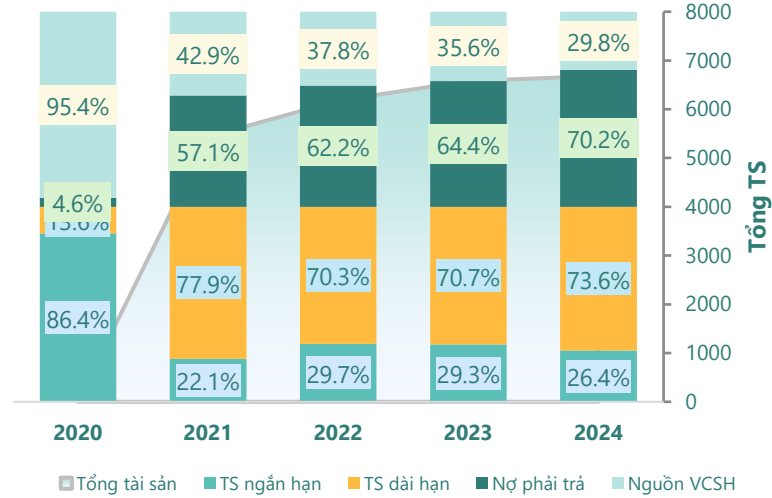
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

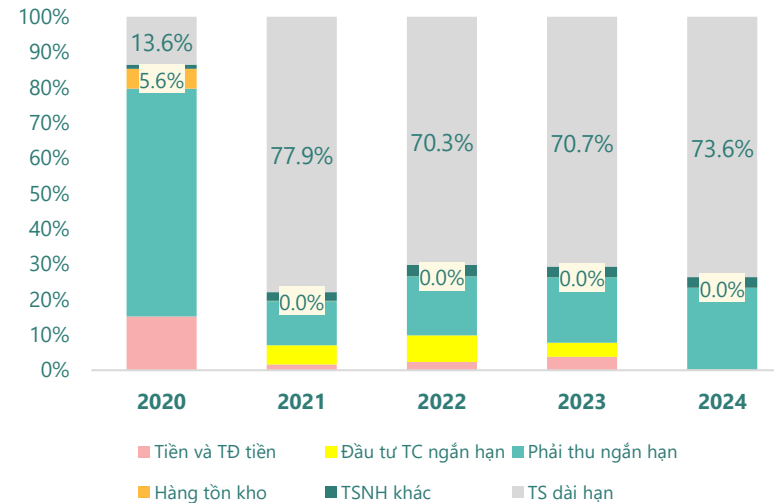
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

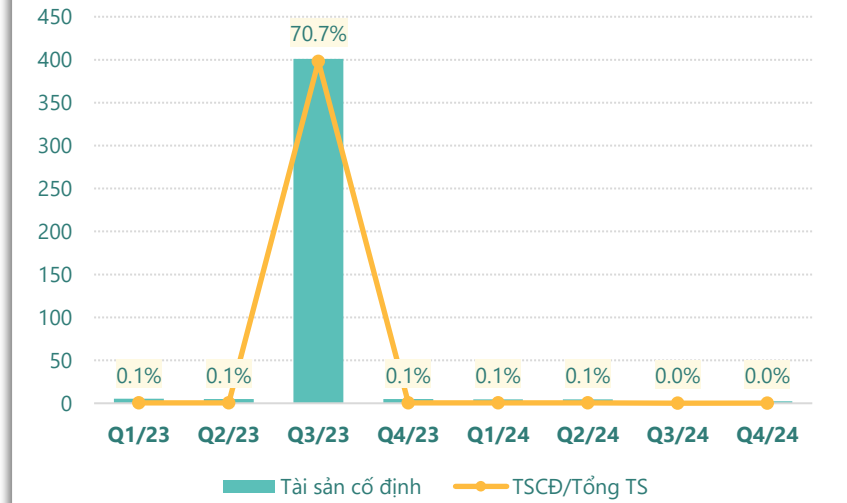
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

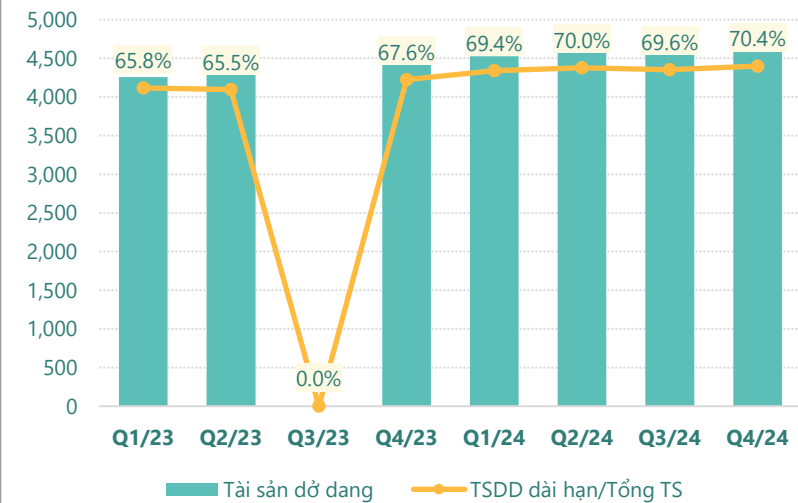
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

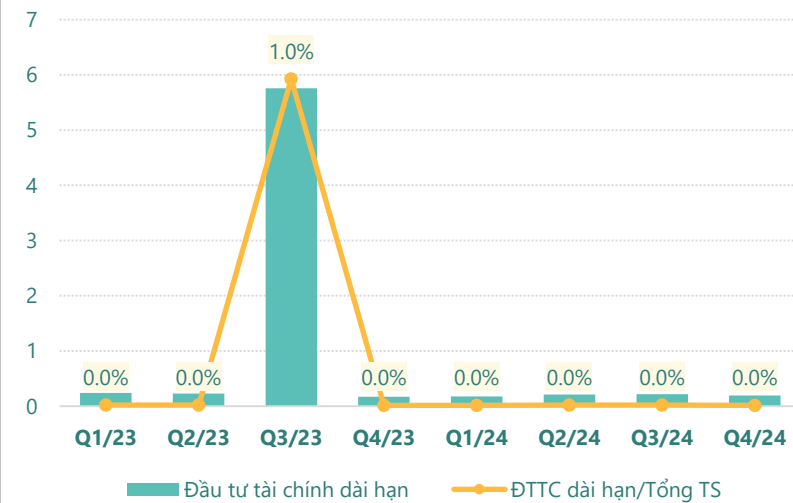
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

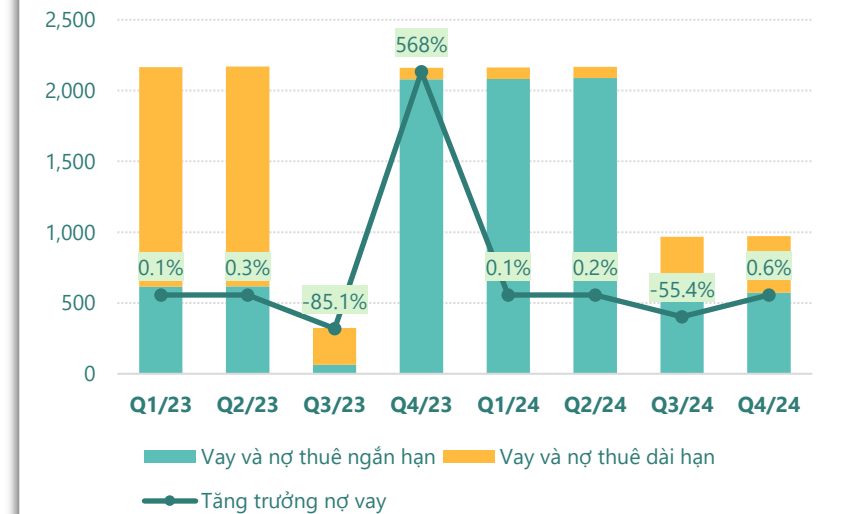
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

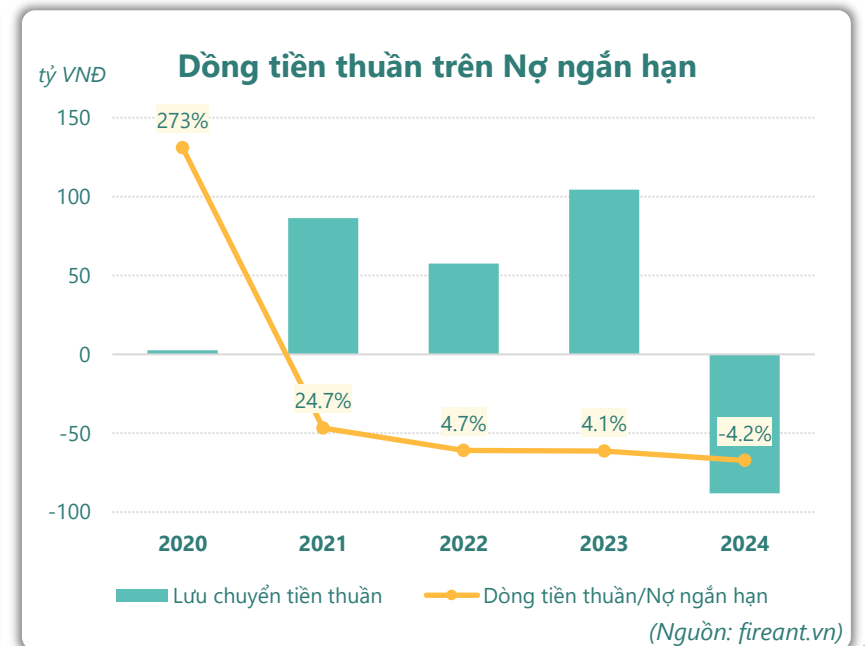
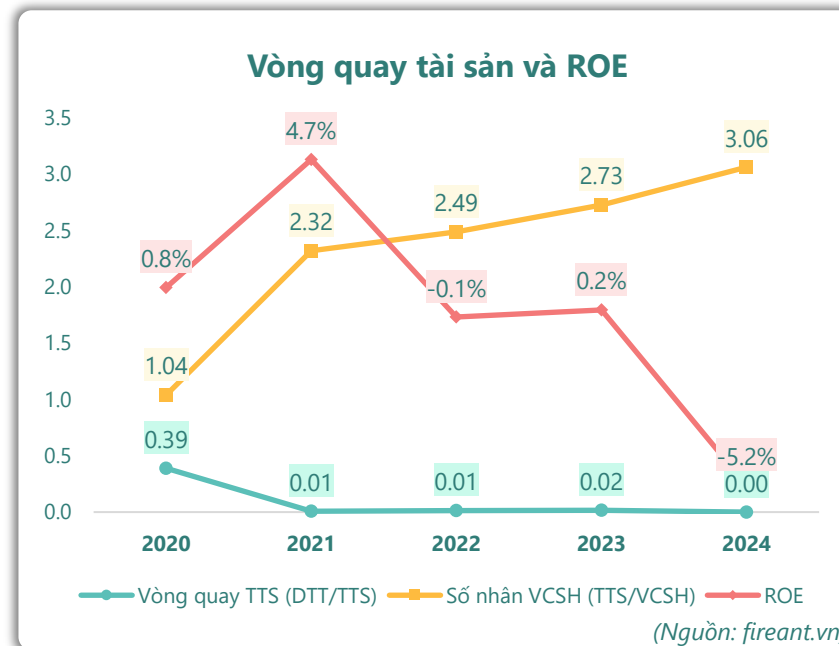
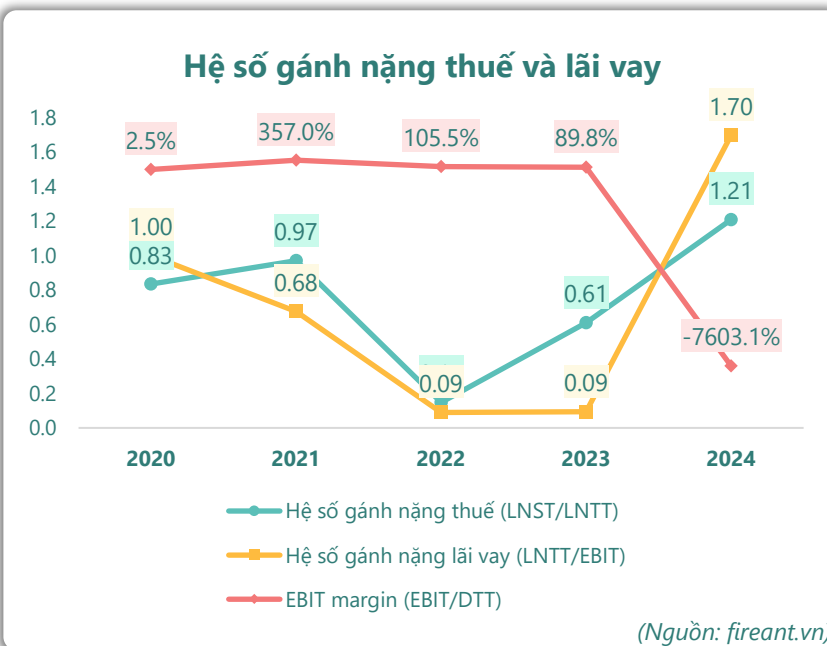
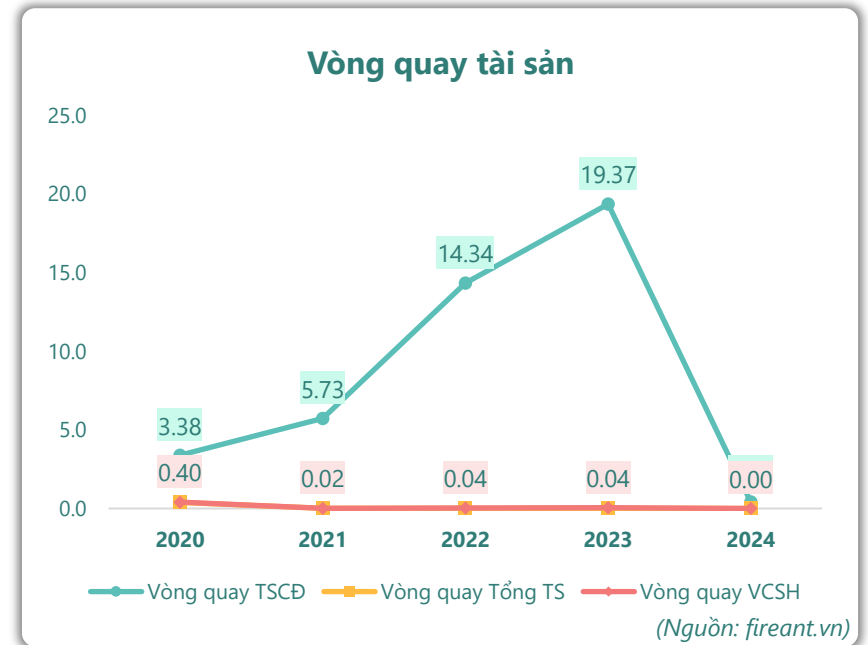
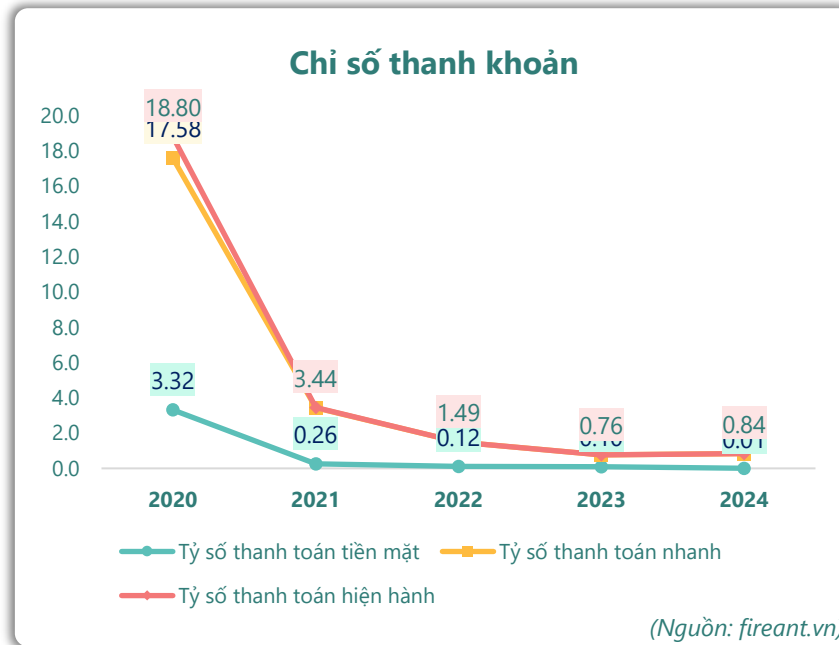
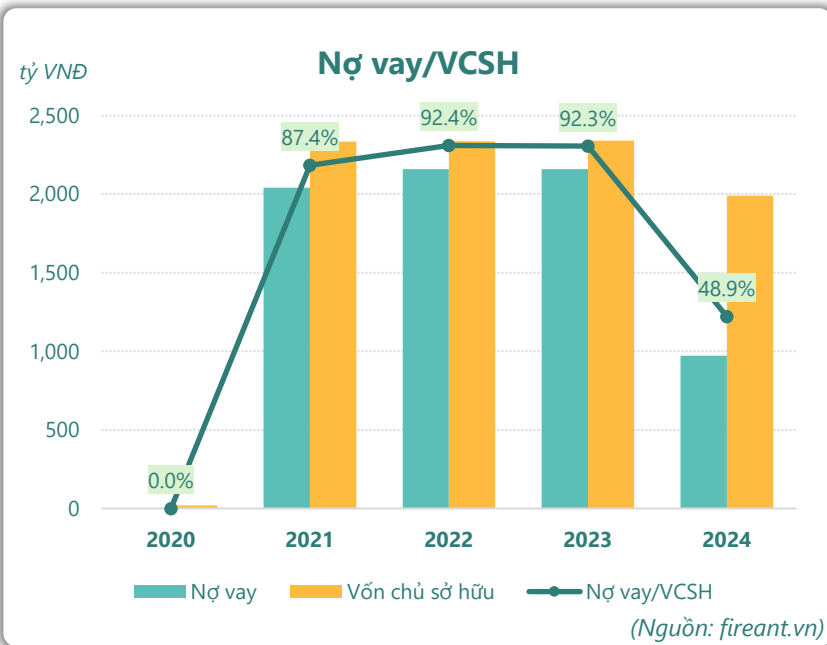
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0	29.8	-100%	1.51	101	-98.5%
Giá vốn hàng bán	0.04	2.96	-98.5%	2.17	14.6	-85.1%
Lợi nhuận gộp	-0.04	26.8	-100%	-0.67	86.4	-101%
Doanh thu HĐTC	16.5	23.7	-30.3%	73.9	97.5	-24.2%
Chi phí TC	102	40.4	152%	242	156	55.2%
Chi phí lãi vay	17.3	21.4	-19.1%	80.0	82.3	-2.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.03	0.03	22.6%
Chi phí QLDN	6.06	8.92	-32.0%	22.7	21.0	7.8%
LN thuần từ HĐKD	-91.5	1.20	-7726%	-192	6.66	-2979%
Lợi nhuận khác	-0.49	1.34	-137%	-2.80	1.80	-256%
LN trước thuế	-92.0	2.54	-3722%	-195	8.46	-2401%
Lợi nhuận sau thuế	-112	1.69	-6741%	-235	5.16	-4662%
LNST của CĐ cty mẹ	-52.9	1.34	-4044%	-112	3.54	-3279%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-162	-152	-130	-71.0	845	-54.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	136	131	76.7	356	77.8	15.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.1	-6.58	-3.21	-0.36	-1,205	5.85
Tiền đầu kỳ	322	280	251	195	329	46.9
Lưu chuyển tiền thuần	-42.4	-28.0	-57.0	284	-282	-33.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	280	251	195	329	46.9	13.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	6,683	6,575	1.6%
Tài sản ngắn hạn	1,763	1,930	-8.6%
Tiền và tương đương tiền	13.4	251	-94.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.10	260	-100.0%
Phải thu ngắn hạn	1,545	1,220	26.6%
Hàng tồn kho	0.06	0.47	-87.9%
Tài sản ngắn hạn khác	204	197	3.7%
Tài sản dài hạn	4,920	4,646	5.9%
Phải thu dài hạn	1.89	0.43	340%
Tài sản cố định	2.31	4.96	-53.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4,704	4,445	5.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.20	0.17	15.0%
Tài sản dài hạn khác	212	194	9.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,693	4,234	10.8%
Nợ ngắn hạn	2,097	2,523	-16.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	572	2,080	-72.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	95.3	89.4	6.5%
Nợ dài hạn	2,596	1,711	51.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	400	80.1	399%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,990	2,342	-15.0%
Vốn chủ sở hữu	1,990	2,342	-15.0%
Vốn điều lệ	918	918	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

